

ISSN 2525-2585

LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU VÀ NGÔN LUẬN KHOA HỌC CỦA HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH



SỐ 530 (4-2022)



Bìa 1: Một góc thành phố Hồ Chí Minh
Ảnh: ST

Hội đồng Biên tập

GS, TS NGUYỄN XUÂN THẮNG, Chủ tịch
GS, TS TẠ NGỌC TẤN, Ủy viên
GS, TS LÊ HỮU NGHĨA, Ủy viên
PGS, TS LÊ VĂN LỢI, Ủy viên
PGS, TS DUONG TRUNG Ý, Ủy viên
PGS, TS LÊ QUỐC LÝ, Ủy viên
PGS, TS NGUYỄN VIỆT THẢO, Ủy viên
GS, TS PHẠM VĂN ĐỨC, Ủy viên
GS, TS TRẦN VĂN PHÒNG, Ủy viên
GS, TS MẠCH QUANG THẮNG, Ủy viên
GS, TSKH PHAN XUÂN SƠN, Ủy viên
PGS, TS TRẦN KHẮC VIỆT, Ủy viên
PGS, TS VŨ HOÀNG CÔNG, Ủy viên
PGS, TS NGUYỄN THẮNG LỢI,
Ủy viên thường trực

Tổng Biên tập

PGS, TS NGUYỄN THẮNG LỢI
Điện thoại: 080.42798

Phó Tổng Biên tập

- PGS, TS HOÀNG ANH
Điện thoại: 024. 62 82 75 06
- TS HOÀNG QUỐC CẢNH

LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU VÀ NGON LUẬN KHOA HỌC CỦA HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

Xuất bản hàng tháng
Số 530 (4-2022) - Năm thứ bốn mươi sáu

Kinh biểu

Mục lục

3. NGUYỄN HÒA BÌNH: Định hướng cải cách tư pháp ở Việt Nam
Đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào cuộc sống
13. PHẠM MINH SƠN - PHAN THỊ THANH HẢI: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở đội ngũ trí thức Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng
19. LÊ VĂN CUỒNG: Việc tăng nhiệm vụ, thẩm quyền thi hành kỷ luật trong Đảng cho Ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp
24. DUONG THỊ TUOI: Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng
Nghiên cứu - Phát triển lý luận
30. TRẦN VĂN PHÒNG: Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam - Tư tưởng xuyên suốt cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng
37. HỒ TRỌNG HOÀI: Những giá trị cốt lõi, bền vững và tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội mà nhân loại hướng tới
43. NGUYỄN MINH TUẤN: Khái niệm Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền và mục đích lãnh đạo, cầm quyền của Đảng
48. LÂM QUỐC TUẤN - HÀ VĂN LUYẾN: Phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng
55. TRẦN THỊ MINH TUYẾT: Hồ Chí Minh với việc trọng dụng nhân tài ngoài Đảng và các bài học kinh nghiệm
63. TRẦN THỊ VUI: Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong cách mạng Việt Nam

LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

● TÒA SOẠN:

Số 135 Nguyễn Phong Sắc,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

● ĐIỆN THOẠI: 080.48132

● Email: tclct.hcma@gmail.com

● PHÒNG BIÊN TẬP

Điện thoại: 024.62827510

● PHÒNG TRỊ SỰ - PHÁT HÀNH

Điện thoại: 024.62827869

● WEBSITE:

www.lyluanchinhtri.vn
www.politicaltheory.hcma.vn

● Giấy phép xuất bản

Số 628/GP-BTTTT,
ngày 24-9-2021.

● In tại Công ty TNHH MTV

In Tàp chí Cộng sản

● Phát hành: Bưu điện Việt Nam

Điện thoại: 1800.585855
024.38255901

GIÁ: 30.000 ĐỒNG

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

69. **TUÔNG DUY KIẾN:** Phê phán luận điệu xuyên tạc "nhân quyền ở Việt Nam là hết sức tồi tệ"

77. **NGUYỄN THỊ HOA:** Bản chất tiên tiến, cách mạng của giai cấp công nhân trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

84. **NGUYỄN VĂN ĐẠO:** Công lao to lớn, sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là không thể lực nào có thể xuyên tạc, phủ nhận

Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ

90. **TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH:** Giảng dạy Lịch sử Đảng với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Thực tiễn - Kinh nghiệm

96. **NGUYỄN THỊ MAI:** Công tác thông tin đối ngoại trong quá trình hội nhập quốc tế

103. **ĐẶNG VĂN CƯỜNG - HÀ THỊ KHUYẾN:** Luật Đất đai năm 2013: Thực tiễn thi hành và những bất cập cần sửa đổi, bổ sung

110. **NGÔ THỊ HUỲNH:** Tăng cường quản lý nhà nước về văn hóa trên mạng xã hội hiện nay

116. **ĐOÀN VĂN TRƯỜNG:** Chuyển dịch cơ cấu lao động dưới tác động của quá trình di cư lao động

Nhân vật - Sự kiện

123. **NGUYỄN THỊ BÍCH THÚY:** Công tác vận động quần chúng ở miền Nam, góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954- 1975)

Diễn đàn

129. **TRẦN THỊ MINH CHÂU - VŨ VĂN PHÚC:** Chính sách đất đai của Việt Nam qua hơn 35 năm đổi mới

137. **PHAN THỊ LAN HƯƠNG - ĐẶNG THỊ NGỌC HUỲNH:** Sự tham gia của các tổ chức thành viên Liên hợp quốc tại Việt Nam trong xây dựng pháp luật

Quốc tế

144. **ĐẬU TUẤN NAM:** Kinh nghiệm của Trung Quốc trong phát triển kinh tế vùng biên giới

151. **CHITSAVAN THETTYOTHIN:** Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực

157. **TÓM TẮT TIẾNG ANH MỘT SỐ BÀI**

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA QUÁ TRÌNH DI CƯ LAO ĐỘNG

★ TS ĐOÀN VĂN TRƯỜNG

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

● **Tóm tắt:** Di cư là một hiện tượng khách quan và phổ biến diễn ra trong suốt quá trình lịch sử nhân loại. Ngày nay, di cư có vai trò tích cực trong tăng trưởng kinh tế, góp phần quan trọng vào giảm nghèo và cải thiện mức sống của hộ gia đình. Di cư lao động góp phần làm thay đổi vốn nhân lực, thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động và làm chuyển dịch cơ cấu lao động. Trên cơ sở phân tích quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động giai đoạn 2000-2019, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần tạo sự dịch chuyển tích cực trong cơ cấu lao động nông thôn hiện nay.

● **Từ khóa:** cơ cấu lao động, di cư lao động.

Thực hiện công cuộc đổi mới, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam bình quân của giai đoạn 1991-1995 là 8,2%, 1996-2000 là 7,0%, 2001-2005 là 7,5%, 2006-2010 là 6,32%, 2011-2015 là 5,91%/năm. Giai đoạn 2016-2020 đạt mức 6,01% (cao hơn mức bình quân 5,91%/năm của giai đoạn 2011-2015)⁽¹⁾. Năm 2021, tốc độ tăng trưởng có xu hướng suy giảm và chỉ đạt 2,58%. Tuy vậy, Việt Nam vẫn là một trong số rất ít quốc gia duy trì mức tăng trưởng dương trên thế giới.

Cơ cấu kinh tế (CCKT) của Việt Nam đã có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng tích cực. CCKT ngành chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nhóm ngành nông, lâm, thủy sản, tăng tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp, xây dựng và nhóm ngành dịch vụ trong tổng GDP⁽²⁾. So với yêu cầu

đặt ra, chuyển dịch CCKT đã có sự chuyển dịch nhưng chưa thực sự hợp lý, tốc độ chuyển dịch diễn ra còn chậm và chất lượng chưa cao, mô hình tăng trưởng chủ yếu vẫn dựa vào tài nguyên thiên nhiên và lao động phổ thông.

Sự chuyển dịch cơ cấu lao động chậm so với sự chuyển dịch CCKT. Hơn nữa, các nhóm ngành kinh tế sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch còn cao, mức độ ô nhiễm môi trường do các hoạt động xả thải của kinh tế nông, lâm, thủy sản; công nghiệp - xây dựng và dịch vụ còn lớn⁽³⁾.

Thực tế trên cho thấy, sự chuyển dịch trong cơ cấu lao động của các ngành không hoàn toàn tỷ lệ thuận với GDP do các ngành đó tạo ra. Điều này có thể lý giải từ nhiều nguyên nhân, như: do năng suất lao động trong các ngành công nghiệp lớn hơn trong nông nghiệp,

tỷ trọng tăng lên của lao động được thu hút vào khu vực công nghiệp thường thấp hơn mức tăng của tỷ trọng GDP của ngành này so với nông nghiệp, do sự chậm chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế, lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, trong khi năng suất lao động ngành nông nghiệp ở nước ta còn thấp. Điều này dẫn đến kết quả là một lực lượng lao động lớn vẫn nằm ở khu vực nông thôn. Thêm vào đó, sự phát triển của các khu công nghiệp, các khu đô thị dưới tác động của quá trình CNH, HĐH đã làm hẹp quỹ đất trong sản xuất nông nghiệp, dẫn đến ngày càng làm cho thời gian nông nhàn tăng lên, trong khi năng suất lao động ở nông thôn lại rất thấp, sức ép về việc làm càng thêm gay gắt⁽⁴⁾.

Cũng như quá trình CNH, HĐH của nhiều nước trên thế giới, công cuộc CNH, HĐH ở Việt Nam đã thúc đẩy quá trình di cư lao động (DCLĐ). Nhiều hộ gia đình lựa chọn DCLĐ nhằm tăng thu nhập, giải quyết việc làm, thất nghiệp ở quê hương. DCLĐ có quan hệ trực tiếp đến chuyển dịch cơ cấu lao động, bởi vì một số lao động có thể chuyển sang các ngành nghề khác ở nơi đến như ngành dịch vụ hay công nghiệp nông thôn.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều chính sách nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT nông thôn nói chung và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn nói riêng. Những chính sách này tập trung vào: xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển ngành nghề, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tăng khả năng tiếp cận tín dụng của nông dân cho mục tiêu phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, khuyến khích phát triển các làng nghề, các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, đào tạo nghề... Nhờ đó góp phần không nhỏ vào cải thiện đời sống kinh tế nông thôn và làm chuyển

dịch cơ cấu lao động ở nông thôn. Tuy nhiên, để tiến xa hơn nữa, cần phải có những giải pháp mang tính đòn bẩy, có tính quyết định cho chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn trong thời gian tới⁽⁵⁾.

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng về di cư lao động

Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề di cư, thể hiện qua Hiến pháp và một số luật pháp văn bản khác. Điều 16, Bộ Luật Lao động quy định người lao động được quyền tự do di chuyển đến những nơi mà pháp luật không cấm. Một số chính sách về di cư thể hiện trong Quyết định số 190/2003/QĐ-TTG ngày 16-9-2003 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện quy hoạch, bố trí dân cư giai đoạn 2003-2010. Mục tiêu của chính sách này là bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết nhằm khai thác tiềm năng lao động, đất đai, phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, ổn định và nâng cao đời sống của người dân; hạn chế tới mức thấp nhất tình trạng dân di cư tự do⁽⁶⁾.

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành quy định về quản lý người lao động Việt Nam làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động đã bổ sung các điều về xuất khẩu lao động (Điều 134, 135) tạo khung pháp lý cho xuất khẩu lao động đạt kết quả cao⁽⁷⁾.

Số lao động của Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài tăng, góp phần vào giải quyết việc làm và mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho người lao động và gia đình của họ. Chính phủ đã ban hành chính sách xuất khẩu lao động, đẩy mạnh các hoạt động tìm kiếm thị trường lao động, hỗ trợ các thủ tục hành chính, cho vay ưu đãi... Các chính sách này góp phần tạo điều kiện

cho người lao động, kể cả nông dân nghèo có thể tham gia tốt hơn vào thị trường lao động.

Các chính sách di cư và hỗ trợ di cư đã có tác dụng phân bố lại lực lượng lao động ở một mức độ nhất định và chủ yếu là ảnh hưởng đến luồng di cư từ nông thôn tới các vùng, miền khác nhau và tác động đến quá trình chuyển dịch CCLĐ.

2. Quá trình di cư lao động tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo giới tính

Số liệu các cuộc Tổng Điều tra dân số và Điều tra lao động việc làm gần đây cho thấy, xu hướng nữ giới di cư ngày càng tăng về tỷ trọng và quy mô so với nam giới (phản ánh hiện tượng “nữ hóa di cư”)⁽⁸⁾. Thực trạng này được thể hiện qua các chỉ báo: *Thứ nhất*, tỷ lệ nữ di cư chiếm hơn một nửa tổng số người di cư. *Thứ hai*, tỷ lệ dân số nữ di cư ngày càng có xu hướng tăng trên phạm vi toàn lãnh thổ.

Sự giảm cầu lao động trong các hoạt động nông nghiệp tại nông thôn, gia tăng thời gian nhàn rỗi và các cơ hội việc làm cho lao động nữ tại khu vực sản xuất - dịch vụ ở các thành phố và các khu công nghiệp là những lý do chính dẫn đến sự gia tăng số lượng và tỷ lệ nữ giới di cư này.

Kết quả điều tra di cư nội địa quốc gia, năm 2015 cho thấy, 17,3% dân số ở độ tuổi 15 - 59 trong cả nước là người di cư. Thành thị - nơi kinh tế phát triển và có nhiều cơ hội giáo dục, đào tạo là điểm đến di cư. Trong đó, nữ giới chiếm tỷ lệ di cư ngày càng cao. Xu hướng này thể hiện rõ ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng, ngoại trừ trung du và miền núi phía Bắc và đồng bằng sông Cửu Long lại có xu hướng ngược lại. Nghĩa là tỷ lệ di cư của nam cao hơn nữ đến 2 khu vực này⁽⁹⁾.

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo độ tuổi

Bảng 1: Tỷ lệ di cư phân theo vùng kinh tế - xã hội

Đơn vị tính: %

Vùng kinh tế - xã hội	Chung	Thành thị/nông thôn		Giới tính	
		Thành thị	Nông thôn	Nam	Nữ
Toàn quốc	17,3	19,7	13,4	16,8	17,7
Trung du và miền núi phía Bắc	10,9	13,3	9,7	11,2	10,6
Đồng bằng sông Hồng	17,3	17,3	17,4	16,9	17,7
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	15,7	16,3	13,3	15,3	16,2
Tây Nguyên	9,9	11,9	9,0	9,2	10,7
Đông Nam Bộ	29,3	33,1	22,0	29,3	29,4
Đồng bằng sông Cửu Long	19,1	20,0	15,7	19,6	18,6
Hà Nội	16,3	20,1	11,4	15,0	17,5
TP. Hồ Chí Minh	20,7	20,3	22,4	20,3	21,1
Số lượng (người)	11.170	8.018	3.152	5.228	5.942

Nguồn: Tổng cục thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Điều tra di cư nội địa quốc gia năm 2015: Các kết quả chủ yếu, Nxb Thông Tấn, Hà Nội.

So sánh số liệu về cơ cấu nhóm tuổi của người di cư qua hai kỳ điều tra di cư cho thấy, phân bố phần trăm người di cư trong nhóm tuổi 15 đến 19 năm 2015 có sự gia tăng so với năm 2004, tương ứng là 13,1% và 11,5%. Đây là nhóm tuổi có sự thay đổi phân bố phần trăm lớn nhất trong 9 nhóm tuổi. 70% người di cư đến trong nhóm tuổi này có tình trạng hoạt động kinh tế là “đi học/đào tạo”, 25% là “đang làm việc”⁽¹⁰⁾.

Qua đó cho thấy, giáo dục đã mở rộng và di cư vì mục đích giáo dục tăng lên ở nhóm tuổi này. Các học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học có nhiều sự lựa chọn hơn cho con đường học tập của mình để mở mang kiến thức, cũng như mong muốn có một công việc, thu nhập ổn định.

Ngoài ra, nhu cầu tuyển dụng lao động vào làm việc tại các khu chế xuất, khu công nghiệp cũng làm tăng nhóm di cư trong độ tuổi 15 đến 19.

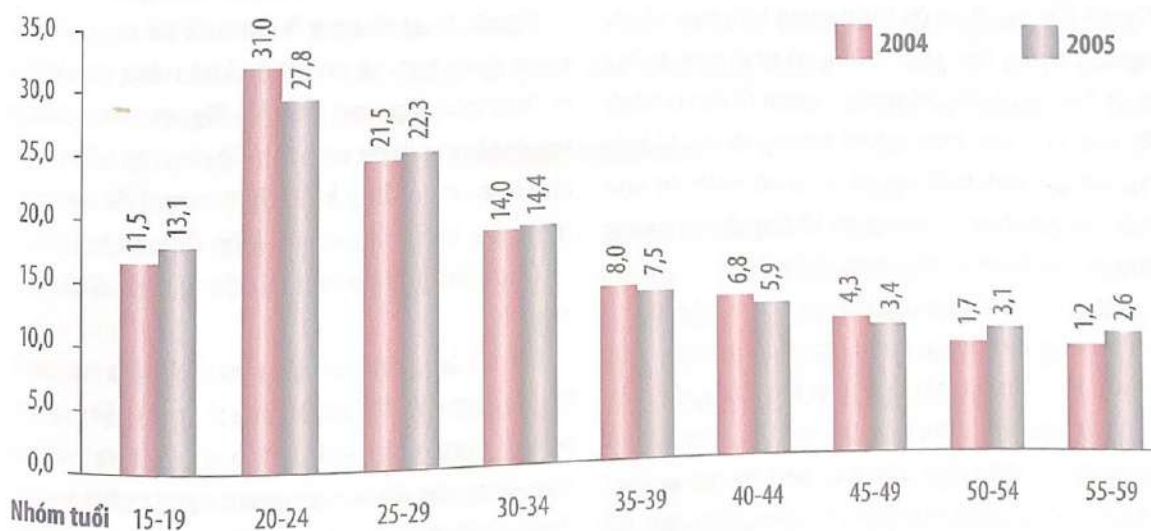
Chuyển dịch cơ cấu lao động theo trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật

Trình độ học vấn và chuyên môn của người di cư lao động đóng góp một vai trò quan trọng trong quá trình đi tìm việc làm và tham gia vào việc sản xuất kinh doanh của chính bản thân người di cư. Những người di cư thành công là những người có trình độ cao hơn và trẻ tuổi. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, người lao động di cư có trình độ cao chiếm tỷ lệ không nhiều⁽¹¹⁾.

Trình độ học vấn lao động di cư ngày một nâng cao là kết quả của việc đầu tư chăm lo giáo dục. Các hộ gia đình sử dụng di cư như một sự đầu tư cho một số thành viên trong gia đình nhằm đa dạng hóa các nguồn thu nhập. Bên cạnh đó, nhiều hộ gia đình đầu tư vào con cái không nhằm mục đích thu nhập cho hộ gia đình mà chỉ đơn thuần là giúp con cái có cuộc sống tốt hơn⁽¹²⁾.

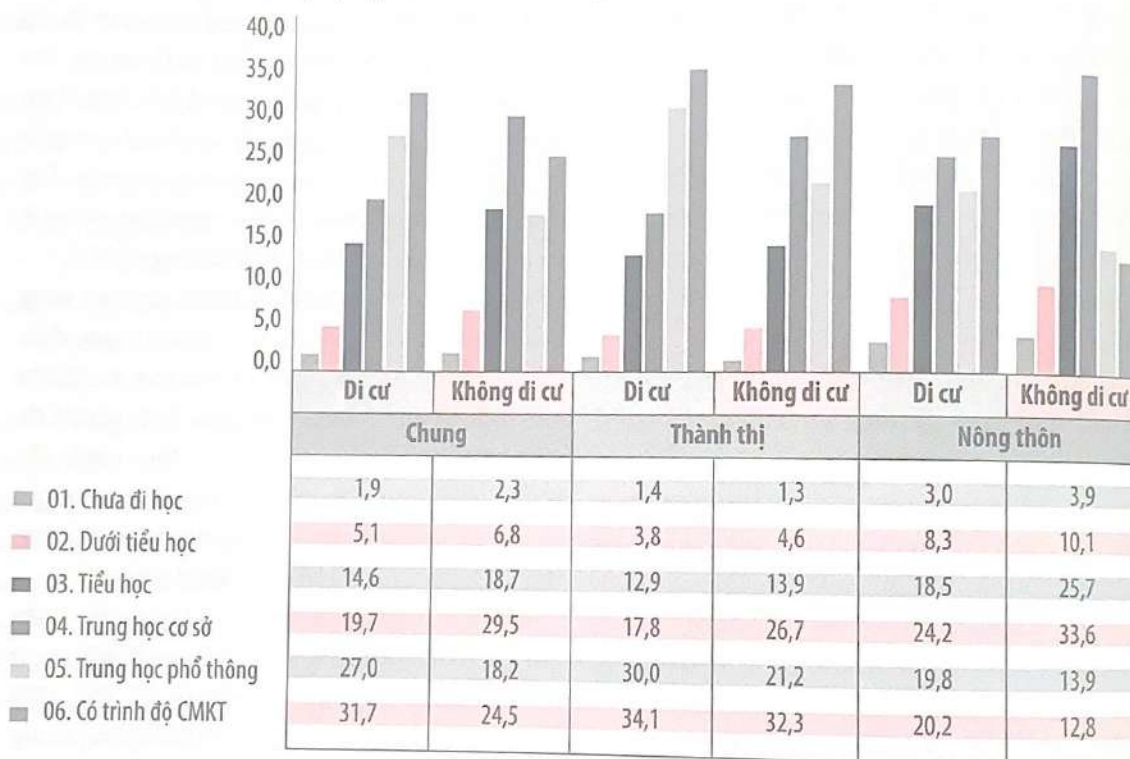
Kết quả Điều tra di cư nội địa quốc gia năm 2015 cho thấy, khoảng một phần ba người di cư có trình độ chuyên môn, kỹ thuật (31,7%), tiếp theo là những người tốt nghiệp phổ thông trung học (27,0%). Trong khi đó, tỷ lệ người không đi

Biểu đồ 1: Cơ cấu nhóm tuổi của người di cư qua hai kỳ điều tra di cư năm 2004 và năm 2015



Nguồn: Tổng cục thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Điều tra di cư nội địa quốc gia năm 2015: Các kết quả chủ yếu, Nxb Thông Tấn, Hà Nội

Biểu đồ 2: Tỷ lệ người di cư và không di cư phân theo trình độ học vấn



Nguồn: Tổng cục thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Điều tra di cư nội địa quốc gia năm 2015: Các kết quả chủ yếu, Nxb Thông Tấn, Hà Nội.

cư tốt nghiệp trung học cơ sở là cao nhất (29,5%). Người không di cư đã tốt nghiệp tiểu học và tốt nghiệp trung học phổ thông có tỷ lệ tương ứng là 24,5% và 18,2%. Như vậy, người di cư có trình độ học vấn cao hơn người không di cư. Ở khu vực nông thôn, tỷ lệ người di cư có trình độ học vấn cao gấp hơn 2 lần người không di cư, tương ứng là 26,2% và 12,8% (xem Biểu đồ 2).

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, thị trường lao động nước ngoài là nơi thu hút nhiều lao động nhất ở nhóm lao động đã qua đào tạo chuyên môn, kỹ thuật (54,0%). Nhóm lao động phổ thông chủ yếu là đi làm ăn ngoại tỉnh và các vùng trong nội tỉnh (46,0%). Như vậy, số liệu trên cho thấy, những lao động di chuyển đến nơi xa có trình độ học vấn cao hơn so với

những lao động di chuyển đến nơi gần.

Người di cư thường ở lứa tuổi trẻ hơn, do đó năng động hơn và có nhiều khả năng tìm kiếm cơ hội học tập cao hơn⁽¹³⁾. Ngược lại, những người không di cư có trình độ chuyên môn hạn chế hơn, ít có điều kiện đi ra ngoài để học tập nâng cao hiểu biết và vốn kiến thức xã hội.

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo lĩnh vực, ngành

Cơ cấu lao động có việc làm theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 - 2019 có sự chuyển dịch rõ rệt, ngành nông - lâm - thủy sản có xu hướng giảm dần, thay vào đó là các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ ngày càng có xu hướng tăng dần tỷ trọng. Năm 2019, lao động trong khu vực nông - lâm - thủy sản chiếm 34,5%, giảm 27,7 điểm

phần trăm so với năm 2000. Ngược lại, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 13,0% (năm 2000) lên 30,1% (năm 2019) và khu vực dịch vụ tăng từ 24,8% (năm 2000) tới 35,4% (năm 2019).

Các nghiên cứu cũng đưa ra một thực trạng khá bao quát về quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế trong các giai đoạn, ngành nông - lâm - thủy sản dần có xu hướng giảm xuống, thay vào đó các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đang có xu hướng tăng lên.

3. Giải pháp phát triển nông thôn dưới tác động của di cư lao động

Thứ nhất, thực hiện chương trình tạo việc làm cho người lao động

Nhà nước và địa phương cần quan tâm hướng nghiệp và đào tạo nghề nghiệp chuyên môn, nâng cao trình độ của người lao động ở nông thôn, đặc biệt là đối tượng thanh niên. Việc bồi dưỡng tay nghề cho hộ gia đình theo hướng ưu tiên các nghề thích hợp với địa phương để có thể giúp họ mở rộng sản xuất - kinh doanh nhỏ tại địa phương. Đồng thời, tạo vốn kiến thức cần thiết để họ có thể tìm việc làm ở những nơi khác tốt hơn, thay vì các công việc giản đơn, thu nhập thấp, kém ổn định.

Một vấn đề rất quan trọng là việc nâng cao trình độ học vấn, kiến thức cho người lao động ở nông thôn. Trong đó, cần chú ý tới phụ nữ, thanh niên, tạo cho họ một vốn tri thức cơ bản là tài sản quý giá. Điều đó sẽ giúp cho người lao động dễ dàng tìm việc làm ở nhiều nơi, năng

động và tháo vát hơn, tinh ý hơn, nhanh chóng hòa nhập với công việc mới, dễ tiếp thu để nâng cao tay nghề, kinh nghiệm, tạo điều kiện cho việc tăng thu nhập.

Thứ hai, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn

Kết cấu hạ tầng nông thôn có tác động đến tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động. Do đó cần có chính sách tăng cường việc nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng trên cơ sở quy hoạch khoa học khu vực nông thôn. Yếu tố này rất quan trọng, làm cho thị trường hàng hóa nông thôn phát triển,

tạo nên sự đa dạng của ngành nghề lao động, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp.

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho người lao động

Cần tập trung gắn công tác đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp để đào tạo nguồn nhân lực. Các địa phương cần có chiến lược nâng cao chất lượng nguồn nhân lực một cách toàn diện. Việc

nâng cao trình độ, chuyên môn kỹ thuật cho người lao động để bảo đảm quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động là yêu cầu cấp bách trước mắt cũng như lâu dài, mang tính "đột phá" trong chiến lược CNH, HĐH của địa phương.

Mở rộng và nâng cấp các trung tâm đào tạo nghề tại huyện để tăng quy mô đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi về đi lại, ăn ở cho các học viên ở nông thôn tham gia học nghề. Đối mới nội dung chương trình đào tạo cho lao động nông

Nhà nước và địa phương cần quan tâm hướng nghiệp và đào tạo nghề nghiệp chuyên môn, nâng cao trình độ của người lao động ở nông thôn, đặc biệt là đối tượng thanh niên. Việc bồi dưỡng tay nghề cho hộ gia đình theo hướng ưu tiên các nghề thích hợp với địa phương để có thể giúp họ mở rộng sản xuất - kinh doanh nhỏ tại địa phương. Đồng thời, tạo vốn kiến thức cần thiết để họ có thể tìm việc làm ở những nơi khác tốt hơn, thay vì các công việc giản đơn, thu nhập thấp, kém ổn định.

thôn, trong đó đặc biệt quan trọng là xác định nghề cho phù hợp. Xác định ngành nghề đào tạo phải căn cứ vào nhu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm và sự phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Cần chú trọng cả đào tạo dài hạn và đào tạo ngắn hạn cho lao động nông thôn. Đối với ngành nghề dài hạn, cần trang bị kiến thức và kỹ năng nghề chuyên sâu, có khả năng đảm nhận những công việc phức tạp. Đối với trường dạy nghề ngắn hạn, cần trang bị cho học viên một số kiến thức cơ bản và kỹ năng nghề nhất định.

Thứ tư, tăng cường khả năng nhận thức và tiếp cận chính sách việc làm cho lao động nông thôn

Quá trình dịch chuyển lao động đã làm cho nhiều địa phương thiếu hụt lực lượng lao động có trình độ, kiến thức, kỹ năng. Vì vậy, cần đào tạo nguồn nhân lực về năng lực tiếp nhận, xử lý những kỹ năng và phong cách làm việc theo yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, kể cả về nhận thức, kỹ thuật, phương pháp và cách thức tổ chức. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể cần tập trung chỉ đạo và tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của chính sách việc làm tới người dân.

Các cấp chính quyền cần xây dựng và mở rộng các hệ thống tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người dân nông thôn về các nội dung liên quan đến pháp luật, chính sách, việc làm. Những hoạt động này, một mặt khẳng định vai trò của Nhà nước trong việc tăng cường trách nhiệm trong xây dựng hệ thống chính sách việc làm đối với lao động nông thôn, hỗ trợ lao động nông thôn chủ động tham gia vào thị trường lao động, việc làm. Mặt khác, cũng tạo ra một môi trường xã hội để người dân không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ từ Nhà nước^[14] □

Ngày nhận bài: 21-2-2022; Ngày phản biện: 25-2-2022; Ngày duyệt đăng: 22-4-2022.

(1) Chính phủ: Báo cáo số 422/BC-CP, ngày 18-10-2021 về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

(2) Tổng cục Thống kê: *Tình hình kinh tế xã hội quý I năm 2016*, <https://www.gso.gov.vn>, 2016 (truy cập ngày 16-01-2016).

(3) Sở Khoa học & Công nghệ Hà Nội: *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh ở Việt Nam*, Mã số 01X-10, <http://vanban.hanoi.gov.vn>, ngày truy cập ngày 16-01-2016.

(4), (5), (6) Lê Xuân Bá và các cộng sự: *Các yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam*, Chương trình nghiên cứu thuộc Dự án MISPA - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Hà Nội, 2006, tr.1, 1-2, 53.

(7) Trần Minh Tuấn: *Chính sách quản lý lao động di cư ở một số nước và những gợi ý đối với Việt Nam*, Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế* số 390, 2010, tr.74.

(8) Tổng cục Thống kê: *Tổng Điều tra dân số, nhà ở Việt Nam năm 2009 - Kết quả toàn bộ*, Nxb Thống kê, 2010, Hà Nội.

(9), (10) Tổng cục thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc: *Điều tra di cư nội địa quốc gia năm 2015: Các kết quả chủ yếu*, Nxb Thông Tấn, Hà Nội, 2015, tr.33, 38.

(11) Đào Thị Thương: *Thực trạng di cư lao động từ nông thôn ra thành thị của xã Tào Sơn huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, 2013.

(12), (14) Nguyễn Thanh Liêm: "Thu nhập của hộ gia đình và các đặc trưng di cư của con cái từ nông thôn", Tạp chí *Xã hội học*, 3 (99), 2007, tr.206.

(13) Tổng cục Thống kê: *"Giáo dục ở Việt Nam: Phân tích các chỉ số chủ yếu"*, Hà Nội, 2011.